

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2021

V/v: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Điều – Cán bộ hưu trí thị trấn Chí Thạnh.
2. Ông Võ Hùng Định – Cán bộ hưu trí xã An Dân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: ông Dương Đức Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 216/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020, về việc: “ Xin ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Trúc N, sinh năm 1990.

2. Bị đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1986.

Đồng địa chỉ: Thôn D, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Chị N có mặt; anh T vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2020 và lời trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị Trúc N tại phiên tòa:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2015 tôi có tự tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với anh Lê Thanh T được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2015 trên tinh thần tự

nguyên. Quá trình chung sống đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn thường xuyên ăn nhậu, về nhà đánh đập tôi và sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 đến nay. Nay tôi yêu cầu xin được ly hôn với anh T.

- **Về con chung:** Có 01 con chung tên là Lê Nhật H, sinh ngày 12/4/2016, lâu nay do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Nay tôi yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, đồng thời yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2021.

- **Về tài sản chung:** Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Thanh T vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18/01/2021 anh T trình bày: Năm 2015 tôi có tự tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với chị Lê Thị Trúc N, được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2015 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tính không hợp, nhiều lần tôi có đánh đập chị N, việc làm của tôi là sai trái, xin từ bỏ những lỗi lầm và muốn đoàn tụ gia đình.

-Về con chung: Tôi và chị N có một con chung tên là Lê Nhật H, sinh ngày 12/4/2016 lâu nay do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Nay tôi thống nhất giao cháu H cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2021.

-Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lê Thị Trúc N được ly hôn với anh Lê Thanh T; Về con chung: giao cháu H cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2021; Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu gì nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Trúc N khởi kiện anh Lê Thanh T về việc: “ Xin ly hôn”. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Tại phiên toà hôm nay bị đơn anh Lê Thanh T vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Trúc N tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với anh Lê Thanh T, được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị N trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn, hay ăn nhậu về nhà đánh đập chị và sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay nên chị yêu cầu xin ly hôn; Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18/01/2021 anh T cho biết quá trình chung sống có lần đánh đập chị N, tuy nhiên vẫn còn tình cảm với chị N và muốn đoàn tụ gia đình.

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian chung sống anh T không chí thú làm ăn, thường xuyên đánh đập chị N. Tại biên bản xác minh về hoàn cảnh gia đình ngày 24/12/2020 Ban Công an xã A cho biết: Từ giữa năm 2020 vợ chồng chị N, anh T có xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, anh T đánh chị N, nhiều lần Ban Công xã đến can thiệp, lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với anh T. Từ tháng 9/2020 chị N và anh T sống ly thân cho đến nay, anh T muốn đoàn tụ nhưng không cải thiện tính cách, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[4]. Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Nhật H, sinh ngày 12/4/2016 lâu nay do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị N yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, đồng thời yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2021; Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18/01/2021, anh T thống nhất giao cháu H cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2021. Xét sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó cần giao cháu H cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2021, cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại điều 118 Luật hôn nhân và gia đình thì chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

Bị đơn phải chịu án phí DSST về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56,81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Lê Thị Trúc N được ly hôn với anh Lê Thanh T.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Trúc N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Nhật H, sinh ngày 12/4/2016. Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2021 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại điều 118 Luật hôn nhân và gia đình thì chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị Lê Thị Trúc N phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 04508 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Buộc anh Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Trần Văn Bình